

Số: 732/2020/QĐST-HNGĐ

*Gò Vấp, ngày 08 tháng 7 năm 2020*

**QUYẾT ĐỊNH**  
**CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN**  
**VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 379/2020/TLST - HNGĐ ngày 24 tháng 4 năm 2020, giữa:

Nguyên đơn: Chị Phạm Thị S, sinh năm 1991. Địa chỉ: Căn hộ Y tòa Z, Phường X, quận G, Thành phố H.

Bị đơn: Anh Nguyễn Ngọc T, sinh năm 1984. Địa chỉ: Số A Đường số B, KDC C, Phường D, quận G, Thành phố H.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 51, 54, 55, 57, 58, 81, 82, 83 và 84 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Luật phí và lệ phí;

Căn cứ vào biên bản hoà giải ngày 30 tháng 6 năm 2020.

**XÉT THẤY:**

Việc thuận tình ly hôn và sự thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 30 tháng 6 năm 2020 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

**QUYẾT ĐỊNH:**

**1.** Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Phạm Thị S và anh Nguyễn Ngọc T.

(Giấy chứng nhận kết hôn số 192/2016 do Ủy ban nhân dân Phường X, quận G, Thành phố H cấp ngày 06/10/2016 cho chị Phạm Thị S và anh Nguyễn Ngọc T không còn giá trị).

**2.** Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Phạm Thị S và anh Nguyễn Ngọc T thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Có 01 con chung tên là Nguyễn Đăng K, sinh ngày

25/9/2017.

Giao trẻ K cho chị S trực tiếp nuôi dưỡng, anh T cấp dưỡng nuôi con 5.000.000 đồng/tháng, bắt đầu từ tháng 7/2020 cho đến khi trẻ K đủ 18 tuổi.

Kể từ ngày Quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Anh Nguyễn Ngọc T có quyền, nghĩa vụ thăm nom mà không ai được cản trở, tôn trọng quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi con.

Trên cơ sở lợi ích của con, cha, mẹ, người thân thích; cơ quan quản lý nhà nước về gia đình, cơ quan quản lý nhà nước về trẻ em, Hội liên hiệp phụ nữ có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Khi cần thiết đương sự có quyền yêu cầu thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Chị S phải chịu 75.000 đồng, anh T phải chịu 75.000 đồng và 150.000 đồng án phí về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Chị S tự nguyện chịu thay án phí cho anh T nhưng được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí là 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng theo biên lai thu tiền số AA/2019/0025922 ngày 24/4/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự quận G, Thành phố H. Đương sự đã nộp đủ án phí.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi bổ sung năm 2014).

**3.** Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

**Nơi nhận:**

- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân Q.G;
- UBND Phường X, quận G;
- Lưu hồ sơ vụ án dân sự.

**THẨM PHÁN**

**Lê Minh Loan**

